

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI SUMMER DREAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI SUMMER DREAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SUMMER DREAM INVESTMENT & TRADE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110180108

**3. Ngày thành lập:** 14/11/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 40, ngã tư Sơn Đồng, Xã Sơn Đồng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0325009830

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4330     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 4.  | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc,</li> <li>+ Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước,</li> <li>+ Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>+ Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ),</li> <li>+ Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối,</li> <li>+ Uôn thép,</li> <li>+ Xây gạch và đặt đá,</li> <li>+ Lợp mái các công trình nhà để ở,</li> <li>+ Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo,</li> <li>+ Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp,</li> <li>+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.</li> <li>- Các công việc dưới bề mặt;</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;</li> <li>- Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà;</li> <li>- Thuê cần trục có người điều khiển.</li> </ul> | 4390 |
| 5.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4511 |
| 6.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4513 |
| 7.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4530 |
| 8.  | Bán mô tô, xe máy<br>(Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4541 |
| 9.  | <p>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại lý bán hàng hóa</li> <li>- Môi giới mua bán hàng hóa</li> </ul> <p>(Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm; Trừ đấu giá)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4610 |
| 10. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>(Trừ phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4651 |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4652 |
| 12. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>(Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện Nhà nước cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4661 |
| 13. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4662 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>Bán buôn cao su<br>Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép<br>Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại       | 4669 |
| 15. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)<br>(Trừ hợp báo)                             | 8230 |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                  | 8299 |
| 17. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                | 9511 |
| 18. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)                                                                                                                                                                                     | 7020 |
| 19. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>Khảo sát xây dựng<br>Lập thiết kế quy hoạch xây dựng<br>Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng<br>Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng<br>Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình | 7110 |
| 20. | Quảng cáo<br>(trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                    | 7310 |
| 21. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                           | 7410 |
| 22. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                   | 7710 |
| 23. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                         | 4690 |
| 24. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                  | 1622 |
| 25. | Sản xuất than cốc                                                                                                                                                                                                                                        | 1910 |
| 26. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                                                                       | 2394 |
| 27. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                        | 2395 |
| 28. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                             | 2592 |
| 29. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                       | 2640 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 30. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô                                                           | 4932        |
| 31. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)                                                                                                                                                                                                                    | 5610        |
| 32. | Dịch vụ ăn uống khác<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)                                                                                                                                                                                                                                                | 5629        |
| 33. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển<br>Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển<br>Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển | 7730        |
| 34. | Cung ứng lao động tạm thời<br>Chi tiết:<br>Doanh nghiệp cho thuê lại lao động                                                                                                                                                                                                                                                  | 7820        |
| 35. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7911        |
| 36. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3312        |
| 37. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4101        |
| 38. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4102        |
| 39. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4221        |
| 40. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4222        |
| 41. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4292        |
| 42. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4299(Chính) |
| 43. | Phá dỡ<br>trừ hoạt động nổ bom, mìn)                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4311        |
| 44. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn)                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4312        |
| 45. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4321        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.800.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: LÊ VĂN TUYẾN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 03/02/1980 Dân tộc: Thổ

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 172483755

Ngày cấp: 22/06/2015 Nơi cấp: Công an Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Thôn Thanh Tân, Xã Hóa Quỳ, Huyện Như Xuân, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Thanh Tân, Xã Hóa Quỳ, Huyện Như Xuân, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÊ VĂN TUYẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/02/1980 Dân tộc: Thổ Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 172483755

Ngày cấp: 22/06/2015 Nơi cấp: Công an Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Thôn Thanh Tân, Xã Hóa Quỳ, Huyện Như Xuân, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Thanh Tân, Xã Hóa Quỳ, Huyện Như Xuân, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội